THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA THEO TIẾP CẬN CỘNG ĐỒNG Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đỗ Quyên Phương, Khoa Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
Trường Cao đẳng Nghề Thành phố Hồ Chí Minh
Email: quyenphuong0206@gmail.com.

Tóm tắt: *Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, hoạt động ngoại khóa (HĐNK) ở bậc trung học cơ sở (THCS) ngày càng được nhìn nhận như một cấu phần quan trọng của giáo dục toàn diện. Tuy nhiên, tại nhiều trường THCS, việc tổ chức và quản lý HĐNK vẫn chủ yếu dựa vào nguồn lực nội bộ; cơ chế phối hợp với gia đình và cộng đồng địa phương còn thiếu ổn định và chưa được chuẩn hóa thành quy trình rõ ràng. Bài báo phân tích thực trạng quản lý HĐNK theo tiếp cận cộng đồng tại một số trường THCS ở Thành phố Hồ Chí Minh, dựa trên khung lý thuyết về quan hệ nhà trường - gia đình - cộng đồng và mô hình trường học cộng đồng. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh và đại diện một số tổ chức cộng đồng. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ ra một số điểm mạnh, hạn chế và đề xuất hướng cải thiện trong giai đoạn tới.*

Từ khóa: *Hoạt động ngoại khóa, quản lý hoạt động ngoại khóa, tiếp cận cộng đồng, trung học cơ sở, quan hệ nhà trường - gia đình - cộng đồng.*
Nhận bài: 06/01/2026; Biên tập: 07/01/2026; Phản biện: 12/01/2026; Duyệt đăng: 19/01/2026.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục THCS giữ vai trò bản lề trong hệ thống giáo dục phổ thông, là giai đoạn học sinh chuyển tiếp từ thiếu niên sang thanh thiếu niên với nhiều biến đổi về nhận thức, cảm xúc và nhu cầu khẳng định bản thân. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, đặc biệt là hoạt động ngoại khóa (HĐNK), ngày càng được coi trọng như một môi trường quan trọng góp phần hình thành phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống cho học sinh.

Tuy nhiên, thực tiễn tại nhiều trường THCS cho thấy HĐNK vẫn mang tính phong trào, chủ yếu gắn với các đợt thi đua hoặc dịp kỷ niệm, chưa được thiết kế như một chương trình có mục tiêu, nội dung và cơ chế phối hợp rõ ràng. Hoạt động thường phụ thuộc vào sự năng động của một số cá nhân, dẫn đến thiếu tính ổn định và bền vững.

Trong khi đó, các xu hướng quốc tế về trường học cộng đồng nhấn mạnh vai trò của việc kết nối nhà trường với gia đình và xã hội. Việc huy động hiệu quả các nguồn lực từ cộng đồng giúp HĐNK trở nên phong phú, gắn với bối cảnh thực tiễn và nhu cầu của học sinh, qua đó hỗ trợ phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục.

Ở Việt Nam, chủ trương xã hội hóa giáo dục đã được đề cập trong nhiều chính sách, song các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào huy động nguồn lực hoặc phân tích chính sách. Thực trạng quản lý HĐNK theo tiếp cận cộng đồng ở cấp THCS vẫn chưa được khảo sát sâu. Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề này là cần thiết nhằm đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Khái niệm hoạt động ngoại khóa

Hoạt động ngoại khóa (HĐNK) trong nhà trường được hiểu là các hoạt động giáo dục được tổ chức ngoài giờ học chính khóa, do nhà trường chủ trì hoặc phối hợp với các lực lượng liên quan, nhằm hỗ trợ học sinh phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống và mở rộng trải nghiệm; cách hiểu này tương đồng với cách các nghiên cứu quốc tế sử dụng khái niệm HĐNK trong bối cảnh trường phổ thông.

Trong phạm vi nghiên cứu này, HĐNK bao gồm (nhưng không giới hạn): sinh hoạt câu lạc bộ; tham quan - trải nghiệm thực tế; hoạt động văn hóa - nghệ thuật; thể dục - thể thao; hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp; hoạt động cộng đồng, tình nguyện…

2.1.2. Khái niệm quản lý hoạt động ngoại khóa

Quản lý HĐNK là quá trình lập kế hoạch - thiết kế - tổ chức thực hiện - điều phối nguồn lực - kiểm tra/đánh giá - điều chỉnh các hoạt động nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển học sinh và mục tiêu giáo dục của nhà trường. Khi đặt trong tiếp cận cộng đồng, quản lý HĐNK không chỉ là tổ chức hoạt động nội bộ mà còn bao gồm thiết lập cơ chế phối hợp ổn định, chia sẻ mục tiêu và phân vai rõ ràng giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng; định hướng này phù hợp với khung school - family - community partnerships và mô hình community schools.

Ở góc nhìn quản lý giáo dục hiện đại, HĐNK có thể được xem như một tiểu hệ thống gồm các yếu tố tương đối độc lập (mục tiêu, nội dung, nhân sự, ngân sách, đối tác, giám sát đánh giá) nhưng liên thông với mục tiêu chung của nhà trường. Trong bối cảnh trường công lập, hạn chế về nguồn lực, khối lượng công việc giáo viên và liên kết hợp bên

ngoài chưa rõ ràng có thể làm cho HĐNK dễ thiên về phong trào và thiếu bền vững.

2.1.3. Tiếp cận cộng đồng và quan hệ nhà trường - gia đình - cộng đồng

Tiếp cận cộng đồng trong giáo dục nhấn mạnh việc huy động và tổ chức sự tham gia của các lực lượng ngoài nhà trường - đặc biệt là gia đình và các tổ chức cộng đồng địa phương - như những đối tác đồng hành trong việc tạo lập môi trường học tập và phát triển cho học sinh. Khung School - Family - Community Partnerships của Epstein (2018) đề xuất sáu dạng tham gia: (1) nuôi dạy con cái; (2) trao đổi thông tin; (3) tình nguyện; (4) hỗ trợ học tập tại nhà; (5) tham gia ra quyết định; (6) hợp tác với cộng đồng. Cách tiếp cận này cho thấy hợp tác cộng đồng không chỉ dừng ở hỗ trợ tài chính mà còn gồm đóng góp chuyên môn, cơ hội trải nghiệm, không gian văn hóa - xã hội và các nguồn lực địa phương phục vụ mục tiêu giáo dục.

Song song đó, mô hình trường học cộng đồng coi nhà trường là trung tâm liên kết dịch vụ, hoạt động và nguồn lực, nhằm tạo điều kiện để học sinh được hỗ trợ toàn diện thông qua phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các cơ quan/đơn vị cộng đồng. Tổng quan bằng chứng của Maier và cộng sự (2017) cho thấy khi triển khai tốt, mô hình này có thể cải thiện cả kết quả học tập và các kết quả phi học tập, đặc biệt tại những khu vực có nhiều rào cản xã hội.

Đối với HĐNK ở THCS, hai khung lý thuyết trên gợi mở một điểm then chốt: quản lý HĐNK theo tiếp cận cộng đồng không chỉ là mời cộng đồng tham gia mà là xây dựng cơ chế hợp tác ổn định, chia sẻ mục tiêu và phân vai rõ ràng với gia đình và các tổ chức địa phương, để HĐNK trở thành một phần không thể thiếu của hệ sinh thái phát triển học sinh.

2.1.4. Tổng quan nghiên cứu liên quan và khoảng trống nghiên cứu

Nghiên cứu quốc tế về HĐNK đã tích lũy nhiều bằng chứng cho thấy sự tham gia HĐNK có liên hệ tích cực với các kết quả giáo dục. Các phân tích tổng hợp cho thấy lợi ích của HĐNK không chỉ ở thành tích học tập mà còn ở động lực, kỹ năng xã hội và cảm giác gắn kết với nhà trường. Điều này củng cố quan điểm rằng HĐNK cần được quản trị nghiêm túc như một cấu phần của giáo dục toàn diện.

Các nghiên cứu gần đây cũng cho thấy tham gia HĐNK có liên hệ tích cực, gắn kết với nhà trường và một số chỉ báo phát triển ở lứa tuổi vị thành niên. Qua đó củng cố vai trò của HĐNK như một cấu phần hỗ trợ phát triển toàn diện. Bên cạnh đó, việc tham gia các hoạt động nghệ thuật và thể thao được ghi nhận có liên quan đến kỹ năng xã hội - cảm xúc của học sinh, gợi ý tiềm năng thiết kế HĐNK theo định hướng phát triển năng lực và kỹ năng.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu về xã hội hóa giáo dục và sự tham gia của cộng đồng vào giáo dục phổ thông đã chỉ ra xu hướng thể chế hóa sự đóng góp của xã hội trong hỗ trợ nhà trường; đồng thời phân tích những dịch chuyển về chính sách và thực hành huy động nguồn lực. Tác giả Dang, T. K. P. (2020) cho thấy xã hội hóa giáo dục có xu hướng chuyển từ tham gia của công chúng sang hình thức tư nhân hóa trong một số khía cạnh, đặt ra yêu cầu quản trị minh bạch và định hướng công bằng khi huy động cộng đồng.

Tuy vậy, các nghiên cứu trong nước chủ yếu tiếp cận ở bình diện rộng của xã hội hóa hoặc phối hợp nhà trường gia đình nói chung. Trong khi đó, quản lý HĐNK theo tiếp cận cộng đồng ở bậc THCS chưa được khảo sát như một cấu trúc quản lý với quy trình, tiêu chí và cơ chế phối hợp cụ thể; vai trò của cộng đồng thường được nhìn như nguồn lực hỗ trợ hơn là đối tác đồng kiến tạo nội dung, không gian trải nghiệm và cơ chế đánh giá hoạt động.

Vì vậy, bài báo lựa chọn hướng tiếp cận mô tả và phân tích thực trạng quản lý HĐNK theo tiếp cận cộng đồng tại một số trường THCS nhằm: (1) làm rõ mức độ tham gia của gia đình và cộng đồng trong các khâu quản lý HĐNK; (2) nhận diện điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân; (3) cung cấp cơ sở thực tiễn cho các nghiên cứu phát triển mô hình quản lý trong giai đoạn tiếp theo.

2.2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động ngoại khóa theo tiếp cận cộng đồng, nghiên cứu tiến hành khảo sát với các nhóm khách thể gồm: 20 cán bộ quản lý (CBQL), 60 giáo viên (GV) (giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phụ trách HĐNK), 400 học sinh khối 8 - 9 và 400 phụ huynh tại một số trường THCS trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (các khu vực Tân Bình, Bảy Hiền, Tân Phú, Tây Thạnh…).

Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả - phân tích theo phương pháp hỗn hợp. Các phương pháp gồm: điều tra bằng bảng hỏi đối với CBQL, GV, học sinh và phụ huynh; phỏng vấn bán cấu trúc một số CBQL, GV, phụ huynh và đại diện tổ chức cộng đồng; phân tích tài liệu và xử lý thống kê mô tả bằng Excel.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Nhận thức của CBQL, giáo viên, phụ huynh và học sinh về vai trò hoạt động ngoại khóa

Nghiên cứu đo lường mức độ đồng thuận của các nhóm khách thể về nhận định: "Hoạt động ngoại khóa là rất quan trọng đối với việc phát triển toàn diện học sinh THCS" với thang đo 5 mức (1 - hoàn toàn không đồng ý; 2 - không đồng ý; 3 - phân vân; 4 - đồng ý; 5 - hoàn toàn đồng ý).

Bảng 1. Nhận thức của CBQL và GV về mức độ cần thiết của HĐNK (n = 880)

Nhóm khách thể	n	$\bar{X}$	SD
Cán bộ quản lý	20	4,68	0,41
Giáo viên	60	4,32	0,56
Học sinh	400	4,07	0,72
Phụ huynh	400	3,89	0,81
Toàn mẫu	880	4,12	0,73

Kết quả cho thấy mức độ đánh giá về vai trò của HĐNK nhìn chung khá cao ($\bar{x}$ chung = 4,12), phù hợp với định hướng giáo dục toàn diện. CBQL có điểm trung bình cao nhất (4,68), phản ánh sự quan tâm ở góc độ định hướng và quản trị nhà trường. GV đánh giá thấp hơn CBQL (4,32), có thể do trải nghiệm trực tiếp các khó khăn khi tổ chức và kiêm nhiệm. Học sinh và phụ huynh có điểm trung bình thấp hơn (4,07 và 3,89). Điều này cho thấy, bên cạnh nhận thức tích cực, một số phụ huynh vẫn có suy nghĩ ưu tiên học tập chính khóa và kết quả thi cử. Do đó, việc truyền thông về giá trị giáo dục của HĐNK cần được thực hiện rõ ràng và thuyết phục hơn.

2.3.2. Thực trạng sự tham gia của gia đình và cộng đồng trong HĐNK

2.3.2.1. Mức độ tham gia của gia đình

Khi khảo sát ý kiến phụ huynh về mức độ tham gia vào các nội dung của HĐNK theo thang đo Likert 4 mức (1 - Không bao giờ; 2 - Hiếm khi; 3 - Thỉnh thoảng; 4 - Thường xuyên).

Bảng 2. Đánh giá của phụ huynh về mức độ tham gia vào các nội dung HĐNK (n = 400)

Nội dung tham gia	$\bar{x}$	SD	Tỷ lệ chọn mức 3 - 4 (%)
Góp ý, lập kế hoạch HĐNK	2,08	0,79	31,5
Phối hợp trực tiếp tổ chức HĐNK	2,71	0,86	54,0
Hỗ trợ nguồn lực (kinh phí, CSVC, thời gian)	3,02	0,91	68,7
Góp ý, đánh giá hiệu quả HĐNK	1,96	0,74	28,2

Số liệu cho thấy phụ huynh tham gia nhiều nhất ở nội dung hỗ trợ nguồn lực ($\bar{x}$ = 3,02), với gần 70% chọn mức "thỉnh thoảng" hoặc "thường xuyên". Điều này phản ánh xu hướng xã hội hóa theo hướng tài chính - vật chất: phụ huynh sẵn sàng đóng góp khi nhà trường phát động. Ngược lại, hai nội dung có tính quyết định và phản hồi (góp ý lập kế hoạch; góp ý/đánh giá) có điểm thấp (2,08 và 1,96), với dưới 1/3 phụ huynh cho rằng mình tham gia ở mức đáng kể. Nội dung phối hợp tổ chức (2,71) cho thấy có nhóm phụ huynh nòng cốt tham gia tích cực, nhưng nhìn chung phụ huynh vẫn chưa tham gia sâu vào quá trình quản trị hoạt động.

2.3.2.2. Mức độ hợp tác với các tổ chức cộng đồng

CBQL được hỏi về tần suất hợp tác với từng loại hình tổ chức trong HĐNK theo thang đo Likert 4 mức (1 - Không bao giờ; 2 - Hiếm khi; 3 - Thỉnh thoảng; 4 - Thường xuyên).

Bảng 3. Mức độ hợp tác với các lực lượng cộng đồng (CBQL, n = 20)

Loại hình đối tác cộng đồng	$\bar{x}$	SD	Ghi chú định tính đi kèm
Đoàn - Đội, chính quyền địa phương	3,35	0,67	Thường gắn với ngày lễ, phong trào
Đoàn Thanh niên, Đội TNTP cấp trên	3,60	0,50	Hỗ trợ chỉ đạo, phong trào cấp thành phố
Doanh nghiệp địa phương (tham quan, hướng nghiệp)	2,45	0,88	Hợp tác rời rạc, theo đợt
Cơ sở văn hóa - thể thao, thư viện, bảo tàng	2,88	0,77	Chủ yếu cho hoạt động tham quan
Trung tâm kỹ năng sống, đơn vị dịch vụ giáo dục	2,62	0,83	Có yếu tố dịch vụ, cần thẩm định

Kết quả bảng 4.2.2 cho thấy nhóm đối tác được hợp tác thường xuyên nhất là Đoàn - Đội và các lực lượng chính quyền, đoàn thể địa phương ($\bar{x}$ = 3,60 và $\bar{x}$ = 3,35). Đây là thế mạnh truyền thống, song nếu phụ thuộc chủ yếu vào phong trào thì HĐNK có nguy cơ nghiêng về sự kiện và tính thời điểm. Hợp tác với doanh nghiệp (2,45) và đơn vị dịch vụ giáo dục, kỹ năng sống ($\bar{x}$ = 2,62) ở mức trung bình; độ lệch chuẩn tương đối lớn (0,83 - 0,88) cho thấy mức độ triển khai không đồng đều giữa các trường. Nguồn lực cơ sở văn hóa - thể thao, thư viện, bảo tàng (2,88) có tiềm năng nhưng vẫn chưa được khai thác tương xứng, có thể do hạn chế thời gian, thủ tục và yêu cầu đảm bảo an toàn khi tổ chức.

2.3.3. Thực trạng quản lý HĐNK theo tiếp cận cộng đồng nhìn từ CBQL và giáo viên

Chúng tôi khảo sát 20 CBQL và 60 GV về mức độ gặp phải các khó khăn trong quá trình huy động và phối hợp các lực lượng cộng đồng với thang đo 1 - 5: 1 - không đáng kể; 5 - rất nghiêm trọng.

Bảng 4.3.1. Mức độ khó khăn trong quản lý HĐNK theo tiếp cận cộng đồng

Yếu tố khó khăn	Nhóm	$\bar{x}$	SD
Thiếu quy chế, hướng dẫn, khung pháp lý cụ thể	CBQL (n=20)	4,30	0,57
	GV (n=60)	3,85	0,71
Hạn chế về thời gian và khối lượng công việc	CBQL	4,10	0,64
	GV	4,28	0,59
Thiếu nhân sự chuyên trách HĐNK	CBQL	4,05	0,69
	GV	4,12	0,63
Lo ngại về an toàn, trách nhiệm pháp lý	CBQL	3,95	0,76
	GV	3,62	0,81
Thiếu công cụ đánh giá hiệu quả hợp tác cộng đồng	CBQL	3,80	0,70
	GV	3,45	0,77

Kết quả bảng 4.3.1 cho thấy cả CBQL và GV đều đánh giá nhiều rào cản ở mức cao, nổi bật là: thiếu quy chế, hướng dẫn cụ thể; thiếu nhân sự chuyên trách; hạn chế thời gian do khối lượng công việc; lo ngại về an toàn và trách nhiệm pháp lý; thiếu công cụ đánh giá hiệu quả hợp tác. CBQL nhạy hơn với rào cản thể chế và pháp lý, trong khi GV cảm nhận rõ áp lực về thời gian và kiêm nhiệm. Điều này cho thấy nếu tiếp cận cộng đồng chỉ được bổ sung như

một nhiệm vụ mới mà thiếu điều chỉnh về cấu trúc quản lý và phân bổ nguồn lực, nhà trường sẽ khó mở rộng và duy trì HĐNK một cách bền vững.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy các nhóm khách thể đều đánh giá cao vai trò của HĐNK đối với sự phát triển toàn diện học sinh THCS, dù mức độ đồng thuận có khác nhau. Đây là cơ sở thuận lợi để nhà trường thúc đẩy HĐNK theo hướng bài bản và nâng cao chất lượng.

Tuy nhiên, sự tham gia của phụ huynh hiện chủ yếu dừng ở hỗ trợ nguồn lực, trong khi tham gia vào lập kế hoạch và đánh giá còn hạn chế. Ở cấp cộng đồng, nhà trường chủ yếu hợp tác với các tổ chức Đoàn - Đội và chính quyền địa phương; việc kết nối với doanh nghiệp, cơ sở văn hóa, thể thao và giáo dục kỹ năng sống còn thiếu ổn định.

Thực trạng này cho thấy HĐNK chưa khai thác hiệu quả nguồn lực cộng đồng và chưa được thể chế hóa rõ ràng. Do đó, cần chuyển từ cách làm phong trào sang tiếp cận chương trình, tăng cường cơ chế hợp tác bền vững giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

3.2. Kiến nghị

Thứ nhất, cần chuyển cách tiếp cận HĐNK từ phong trào, sự kiện sang chương trình giáo dục có sự tham gia của cộng đồng. Khi xây dựng kế hoạch năm học, nhà trường cần xác định HĐNK như một chương trình có mục tiêu, nội dung và lộ trình rõ ràng, đồng thời mời đại diện phụ huynh và đối tác cộng đồng tham gia trao đổi đối với các hoạt động trọng tâm.

Thứ hai, xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong tổ chức HĐNK. Quy chế cần làm rõ nguyên tắc hợp tác, phân công trách nhiệm, quy trình trao đổi thông tin và cơ chế ghi nhận đóng góp nhằm bảo đảm tính ổn định và bền vững.

Thứ ba, từng bước hình thành bộ phận phụ trách HĐNK và quan hệ cộng đồng theo hướng chuyên trách. Các trường có thể thành lập tổ phụ trách, phân công rõ nhiệm vụ, bố trí thời gian hợp lý và bồi dưỡng năng lực thiết kế hoạt động, phát triển đối tác.

Thứ tư, đa dạng hóa hình thức huy động phụ huynh và cộng đồng, chuyển từ đóng góp kinh phí sang đồng kiến tạo nội dung. Nhà trường có thể mời phụ huynh có chuyên môn tham gia chia sẻ, tổ chức trải nghiệm nghề nghiệp và tăng cường hoạt động tại các không gian cộng đồng.

Thứ năm, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá HĐNK theo tiếp cận cộng đồng, bao gồm mức độ tham gia của các bên, sự phù hợp nội dung và phản hồi của học sinh. Bộ tiêu chí giúp nhà trường đánh giá hiệu quả và nâng cao chất lượng hoạt động qua từng năm học ■

Tài liệu tham khảo

[1]. Dang, T. K. P. (2020). *Innovations of education socialisation in Vietnam: From participation towards privatisation*. Educational Philosophy and Theory, 52 (11), 1173 -1184.

[2]. Epstein, J. L. (2018). *School, family, and community partnerships: Your handbook for action (4th ed.)*. Corwin.

[3]. Maier, A., Daniel, J., Oakes, J., & Lam, L. (2017). *Community schools as an effective school improvement strategy: A review of the evidence*. Learning Policy Institute.

[4]. O'Donnell, A. W., et al. (2024). *Extracurricular activity participation, school belonging, and adolescent development.* Applied Developmental Science, 28 (1), 1 - 18.

[5]. Shulruf, B. (2010). *Do extra-curricular activities in schools improve educational outcomes? A critical review and meta-analysis of the literature.* International Review of Education, 56 (5 - 6), 591 - 612.

[6]. Wang, W., Li, W., & Yao, J. (2024). *The relationship between participation in extracurricular arts and sports activities and adolescents' social and emotional skills: An empirical analysis based on the OECD social and emotional skills survey.* Behavioral Sciences, 14 (7). 541.

The current state of extracurricular activity management using a community-based approach in some middle schools in Ho Chi Minh City

Do Quyen Phuong

Faculty of Vocational Education Pedagogy, Ho Chi Minh City Vocational College

Email: quyenphuong0206@gmail.com.

Abstract: *In the context of innovating the general education towards developing qualities and competencies, extracurricular activities at the middle school level are increasingly recognized as an important component of holistic education. However, in many middle schools, the organization and management of extracurricular activities still rely primarily on internal resources; the coordination mechanism with families and the local community remains unstable and has not been standardized into a clear process. This article analyzes the current state of extracurricular activity management using a community-based approach in several middle schools in Ho Chi Minh City, based on the theoretical framework of school-family-community relations and the community school model. The study used a mixed-methods approach, combining questionnaire surveys and semi-structured interviews with administrators, teachers, students, parents, and representatives from several community organizations. Based on this, the article points out some strengths, limitations, and proposes directions for improvement in the coming period.*

Keywords: *Extracurricular activities, extracurricular activity management, community-based approach, middle schools,school - family - community partnerships.*